

**TEXT FEATURES OF "QUAN LANG" SINGING IN TAY FOLK SONGS**

Le Thi Nhu Nguyet

TNU Publishing House

ARTICLE INFO		ABSTRACT
<b>Received:</b>	<b>16/3/2021</b>	In the folklore of Vietnamese ethnic minorities, quan lang singing is a unique folk song, used in the Tay people's weddings. The study aims to learn some formal features of quan lang singing text in terms of vertical system (hierarchy) and horizontal system (lyrics). The main methods include interdisciplinary method, statistics, classification, analytical and descriptive methods. Research results show that in terms of vertical system (hierarchy), quan lang singing has two stages, namely challenge singing and welcoming singing. Each stage includes lyrics associated with wedding rituals. Out of 59 texts surveyed, the three-paragraph structure has 53/59 texts (89.8%), the two-paragraph structure has 6/59 ones (10.2%). In terms of horizontal system (lyrics), the one-way structure has 19/59 texts (32.2%), the reciprocal structure has 40/59 texts (67.8%). Thanks to the diversity in using structures, singing quan lang becomes lively when performing, attracting the audience's attention during the whole performance, and at the same time, stimulating the singers' ability of improvisation, which contribute to enriching Tay wedding folk songs.
<b>Revised:</b>	<b>29/4/2021</b>	
<b>Published:</b>	<b>11/5/2021</b>	

**KEYWORDS**

Quan lang

Lyrics

Structure

Traditional culture

Tay people

**ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN HÁT “QUAN LANG” TRONG DÂN CA TÀY**

Lê Thị Như Nguyệt

Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b>	<b>16/3/2021</b>	Trong kho tàng văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam, hát quan lang là một loại dân ca đặc sắc, được sử dụng trong lễ cưới của người Tày. Với mục đích tìm hiểu một số đặc điểm hình thức của văn bản hát quan lang xét theo hệ dọc (cấp bậc), hệ ngang (lượt lời), chúng tôi chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp tiếp cận liên ngành; phương pháp thống kê, phân loại; phương pháp phân tích; phương pháp miêu tả... Kết quả nghiên cứu cho thấy, xét theo hệ dọc (cấp bậc), cuộc hát quan lang có hai chặng hát: hát thử thách, hát đón dâu. Mỗi chặng hát gồm những lời hát gắn với các nghi lễ trong đám cưới. Trong số 59 lời hát được khảo sát, cấu trúc ba đoạn có 53/59 lời hát (89,8%), cấu trúc hai đoạn có 6/59 lời hát (10,2%). Xét theo hệ ngang (lượt lời), kết cấu một chiều có 19/59 lời hát (32,2%), kết cấu đối đáp có 40/59 lời hát (67,8%). Chính nhờ sự đa dạng trong sử dụng cấu trúc, kết cấu mà hát quan lang trở lên sinh động khi diễn xướng, khiến cho khán thính giả chăm chú theo dõi cuộc hát từ đầu đến cuối, đồng thời kích thích khả năng ứng tác của các nghệ nhân, góp phần làm phong phú thêm vốn dân ca đám cưới Tày.
<b>Ngày hoàn thiện:</b>	<b>29/4/2021</b>	
<b>Ngày đăng:</b>	<b>11/5/2021</b>	

**TỪ KHÓA**

Quan lang

Lời hát

Kết cấu

Văn hóa cổ truyền

Người Tày

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4177>Email: [lenguyet@tnu.edu.vn](mailto:lenguyet@tnu.edu.vn)<http://jst.tnu.edu.vn>

## 1. Giới thiệu

Hát quan lang là một loại dân ca đặc sắc của người Tày, gồm các bài ca sử dụng trong đám cưới, được nhà trai và nhà gái hát lên như một nghi thức khi thực hiện các thủ tục theo phong tục cưới xin cổ truyền. Quan lang (đại diện nhà trai) là người có vai trò chính nên tên loại hát (*quan lang*) bắt nguồn từ tên chủ thể diễn xướng này.

Hệ thống những bài quan lang có thể kéo dài tới hàng ngàn câu, hàng trăm bài, chia thành các phần mục cụ thể. Các phần mục tương ứng với từng hành động - lễ thức trong đám cưới (có thể xem đây là một thể tài riêng dân ca nghi lễ đám cưới). Ngôn ngữ trong hát quan lang mang một phong vị đặc biệt, mang tính thể loại, cả hình thức, ngữ nghĩa và ngữ dụng, đồng thời hàm chứa chất văn hóa Tày.

Ở nước ta, hát quan lang đã trở thành đối tượng quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học. Nhiều bài ca quan lang được các trí thức, nghệ nhân dân gian bản tộc sưu tầm, giới thiệu, biên dịch ở dạng song ngữ Tày - Việt như Nguyễn Duy Bắc [1], Nguyễn Thiên Tứ [2], Lục Văn Páo [3]... Bên cạnh đó còn có một số công trình nghiên cứu hát quan lang trên các phương diện văn hóa, văn học, dân tộc học... của các học giả Triều Ân, Hoàng Quyết [4], Nguyễn Thị Thoa [5], [6], Lương Thị Hạnh [7], Hoàng Văn Páo, Cao Thị Hải [8], Nguyễn Hằng Phương, Phạm Văn Vũ [9], Việt Hoàn [10], Văn Long [11], Lưu Đình Tăng [12]... Tuy nhiên cho đến nay, ngôn ngữ trong hát quan lang vẫn là một vấn đề khoa học chưa được quan tâm, bàn luận một cách đầy đủ, sâu sắc, chưa có công trình nào lựa chọn *đặc điểm văn bản hát quan lang trong dân ca Tày* làm đối tượng nghiên cứu. Đây là hướng gợi mở tích cực để chúng tôi tiếp cận hát quan lang dưới lăng kính ngôn ngữ học, góp phần đáng kể vào việc xóa dần đi khoảng trống trên.

Bài viết nghiên cứu về lời ca quan lang theo hệ dọc (cấp bậc), hệ ngang (lượt lời). Từ đó, giúp hình dung rõ hơn, đầy đủ hơn về kết cấu, bố cục, cấu trúc văn bản hát quan lang trong việc xây dựng nội dung, ý nghĩa thâm mĩ, đồng thời cũng thấy được một số đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật cổ truyền và phân nào hiểu được vốn văn hóa truyền thống của người Tày.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu và tư liệu khảo sát liên quan đến tác phẩm âm nhạc dân gian (phần lời trong các bài hát quan lang) nên ngoài những tri thức ngôn ngữ làm nền tảng, bài viết có sử dụng một số tri thức khác như: văn học dân gian, âm nhạc dân gian, văn hóa học... Vì vậy, chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành để đáp ứng được mục đích nghiên cứu. Ngoài ra, còn sử dụng các phương pháp thống kê, phân loại; phương pháp phân tích; phương pháp miêu tả,... để có những nhận xét, đánh giá nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Ngữ liệu trong bài viết được sử dụng từ hai ấn phẩm: *Thơ ca dân gian xứ Lạng* do Nguyễn Duy Bắc sưu tầm, biên soạn năm 2001, Nxb Văn hóa dân tộc; *Thơ quan lang* do Nguyễn Thiên Tứ sưu tầm, dịch năm 2008, Nxb Văn hóa dân tộc.

## 3. Kết quả và bàn luận

Tiến hành khảo sát 2 cuộc hát quan lang trong 2 lễ cưới ở Cao Bằng, Lạng Sơn, gồm 2 chặng hát, 59 lời hát (với 753 câu hát), có thể thấy: Diễn xướng hát quan lang được tiến hành theo một trình tự nhất định. Đó là một chu trình khép kín các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng. Do đó, kết cấu trong văn bản quan lang rất chặt chẽ. Có như vậy mới đảm bảo cho sự logic, vẹn tròn của từng cuộc hát.

### 3.1. Cuộc hát - chặng trong cuộc hát - lời trong chặng hát quan lang

Cuộc hát quan lang bắt đầu khi nhà trai đặt chân tới công làng nhà gái đến lúc kết thúc xin phép nhà gái đón dâu, gắn với tiến trình nghi lễ của đám cưới Tày.

Cuộc hát được chia làm hai chặng: *hát thử thách, hát đón dâu*.

**Hát thử thách:** Chặng này bắt đầu từ khi họ nhà trai đến ngõ (cổng) nhà gái, gặp chướng ngại vật đầu tiên nhà gái đem ra cản. Muốn vượt được chướng ngại nhà trai phải tỏ tài văn nghệ, phải ứng xử bằng lời ca. Những lời trong chặng này có thể theo trình tự:

Lời chằng dây (*Khên lên*);  
 Lời lên cầu thang (*Khửn đuây*): mời lấy rượu rửa chân;  
 Lời giữ cửa (*Thư tu*): cất chổi, cất đó đơm cá, cất túi đựng mềo;  
 Lời xin mở cửa (*Khay tu*);  
 Lời trải chiếu (*Pjái fuc*).

**Hát đón dâu:** Sau khi vượt qua thử thách, nhà trai được mời tới gian chính của ngôi nhà (nơi tiếp khách). Các thủ tục tiếp theo để đón được dâu về không thử thách mà mang tính ngoại giao. Lời ca hay nghi lễ trong giai đoạn này được diễn ra theo trình tự:

Lời chào mời (*Tuông xính*): mời nước, mời thuốc, mời trâu;  
 Lời nộp lễ, kiêm lễ (*Nóp tháp lệ*);  
 Lời trình tở (*Tình tở*);  
 Lời bái tở (*Lạy táng*): bái tở, nộp lễ sinh thành, bái họ hàng;  
 Lời đón dâu (*Rấp lùa*): xin dâu, đón dâu, tặng và nhận tặng phẩm, chúc mừng, tạm biệt;  
 Lời lễ bố mẹ chồng (*Lệ pú giã*).

Tuy nhiên trong thực tế, nghi lễ đón dâu, đưa dâu không nhất nhất phải theo thứ tự như trên. Các bước có thể thay đổi trình tự, do vậy các bài hát cũng thay đổi theo tùy thuộc vào hai nhà.

### 3.2. Đoạn và câu trong lời hát của quan lang

Văn bản quan lang có dạng lời ca. Trong 59 lời hát có 753 câu. Số lượng câu trong mỗi lời hát quan lang không cố định, không hạn định, có thể tùy từng bài, tùy nội dung, cảnh huống khác nhau mà lời ca sẽ dài hay ngắn. Trung bình số câu trong lời hát có dung lượng từ 7 - 42 câu. Các lời hát quan lang thường theo hai dạng cấu trúc: hai đoạn và ba đoạn. Trong đó, nhiều nhất là cấu trúc ba đoạn, 53/59 lời hát (89,8%), ít sử dụng hơn là cấu trúc hai đoạn, 6/59 lời hát (10,2%).

Cấu trúc hai đoạn là cấu trúc chỉ gồm đoạn mở lời và lời giải bày, không có lời kết; cấu trúc ba đoạn là cấu trúc gồm đủ cả ba phần: mở lời, lời giải bày và lời kết. Mở lời có dung lượng từ 1 - 7 câu, lời giải bày dài 4 - 35, lời kết dài 1 - 5 câu. Xin được đưa ra ví dụ về cấu trúc ba đoạn:

- Đoạn 1 - Mở lời:

*Khôi trình mừa song thân pú giã*  
*Tằng quý họ lũng pà chủ a*

(Tôi trình lên song thân phụ mẫu  
 Thầy họ hàng chú bác bá cô

- Đoạn 2 - Lời giải bày:

*Xính nội ngoại oóc mà nấng pjom*  
*Mọi cần mọi mà xay đây đơ*  
*Giờ nấy hủ lùa xo bái tạ*  
*Vần nấy vần hạ các vu quy*  
*Xo slon cháo lệ nghi phép tắc*  
*Slon lủc lùa sle chắc hắt chin*  
*Kể tiếp đẫy theo tiên tở ăm*

Mời nội ngoại đi ra ngồi cả trên  
 Mọi người cùng họp đủ trước sau  
 Giờ này xin cho dâu bái lễ  
 Ngày nay ngày hạ các vu quy  
 Xin dạy dỗ lễ nghi phép tắc  
 Dạy dâu con cho biết làm ăn  
 Kể tiếp theo được nếp tiên tở

- Đoạn 3 - Lời kết:

*Chúc pú giã cung cãm cao niên*  
*Chúc họ hàng bình yên khang thái*  
*Lủc lùa đẫy vạn tở pjom on*

Chúc bố mẹ trong nhà sống lâu  
 Chúc họ hàng bình yên khang thái  
 Dâu con được vạn đại ghi ơn) [1, tr. 140]

Ở quan lang, đoạn mở lời thường theo một khuôn mẫu sẵn có, đó là lời trình thưa của quan lang, pà mẹ lên tở tiên, họ hàng hai bên nhà trai, nhà gái. Đoạn giải bày tập trung nói đến vấn đề chủ thể muốn đề cập, gắn với từng nghi lễ trong đám cưới: thử thách, đón dâu. Đoạn kết là lời mời, đề nghị, cảm tạ, chúc phúc, chào tạm biệt. Hai dạng cấu trúc đã hướng tới sự chuẩn mực, mực thước trong lời ca, thể hiện rõ tính chặt chẽ, mạch lạc của văn bản. Qua đó, thấy được sự tương thích, phù hợp giữa tính chất, đặc trưng của dân ca đám cưới Tày.

### 3.3. Các loại kết cấu trong diễn tiến lời giải bày của quan lang

Mỗi tác phẩm quan lang là một “sinh mệnh”, một “cơ thể sống” nên kết cấu tác phẩm là một kiến trúc, một tổ chức cụ thể phù hợp với nội dung của tác phẩm. Nội dung của lời ca quan lang được tạo nên từ cách sử dụng từ ngữ, tổ chức từ tạo thành câu và phương thức liên kết câu để hình thành lời quan lang một chiều hay đối đáp. Xét theo hệ ngang (lượt lời) có thể chia thành 2 dạng kết cấu đặc trưng: một chiều, đối đáp.

#### 3.3.1. Kết cấu một chiều

Có thể hiểu kết cấu một chiều là kết cấu liên kết một lượt lời ca do một người diễn xướng. Lời ca kết cấu một chiều khi hát lên không cần lời đáp lại. Lời dân ca lúc này tự thân thể hiện một hình thức và nội dung hoàn chỉnh, trọn nghĩa khi tồn tại độc lập.

Kết cấu một chiều được sử dụng chủ yếu trong lời ca của quan lang khi trình tổ, bái tổ, thưa gửi với gia đình nhà gái thay cho đối thoại thông thường. Đây cũng là lời của pả mẹ đi đưa cô dâu về nhà chồng. Cụ thể là: trong 59 lời hát có 19 lời theo lối kết cấu này (32,2%). Ví dụ:

*Khỏi chiêng mùa quý họ rườn quan  
Số én nhận nhập gia gắm nấy  
Nhất là mì của lệ kính dâng  
Sloong là đường gia tiên tiên tổ  
Sle én xuân kết nghĩa vắn tôi  
Sle mềng bjoóc sloong nơi hội ngộ  
Khỏi chiêng mùa gắm kẻ giường nưa  
Xo khay tu mạy rằm sloong phắc  
Xo khay tu mạy hoác sloong phương  
Boong khỏi cản khẩu rườn trình lệ  
Sle loan phương tâu tó pần duyên  
Khẩu rườn tạ gia tiên tông tổ  
Khỏi mì gắm cảm tạ phuối ngày  
Chúc mừng hẩu rườn hây dậm dẹ  
Hát kin đây hi há vjoi đây.*

(Tôi xin thưa quý khách thương cho  
Số én nhận nhập gia lời ví  
Hôm nay có lễ vật đến dâng  
Trình ban thờ gia môn tiên tổ  
Để én nhận kết nghĩa giao ca  
Để bướm ong đưa hoa tìm nhụy  
Tôi xin thưa các cụ giường trên  
Mở rộng cửa hai bên cho hết  
Cánh mạy hoác mở sát áp tường  
Cánh mạy rằm hai bên giang rộng  
Chúng tôi vào yết kiến lễ trình  
Sao cho nhanh phương loan hội ngộ  
Xin cho mở rộng cửa giờ này  
Tôi có lời cảm tạ biết ơn  
Chúc mọi người làm ăn thịnh vượng  
Cả nhà được mạnh khỏe an khang) [2, tr. 34]

Bài hát trên chỉ đơn thuần là lời của quan lang thưa với nhà gái mở cửa để dâng lễ vật vào trình gia môn tiên tổ trước sự chứng kiến của đông đủ đại diện quan viên hai họ, với ước mong cuối cùng là hai cháu được kết duyên loan phương. Trước sự thưa gửi bằng lời ca như vậy nhà gái không có bất cứ lời hát đối đáp nào. Lúc này lời hát sẽ được thay bằng hành động mở cửa trong sự vui mừng, rạng rỡ đón chào nhà trai.

Bên cạnh đó, kết cấu một chiều còn được sử dụng khi quan lang xin phép gia đình cho phép làm lễ trình tổ và bái lạy tổ tiên. Nghi lễ này được thực hiện rất trang trọng bởi người Tày quan niệm nếu không có các bài trình này thì coi như tổ tiên chưa nhận rể, mọi nghi lễ về sau đều không có giá trị. Trong không khí ấm cúng và trang trọng đó, quan lang đã cất lời:

*Kính thưa: Tiên nhân từ đường  
Hậu nhân từ đường  
Cặp nội quý nhân  
Cặp ngoại quý họ  
Thưa các bậc vinh quy chức sắc hương lân  
Thuôn các liệt tiên nhân ạ!  
Gắm đây khỏi khay pác  
Gắm mjàc khỏi khay hênh  
Slíp giờ kềm nấy đây giờ đây mjàc  
Pác hoãn kền đây hoãn nấy an*

(Kính thưa: Tiên nhân từ đường  
Hậu nhân từ đường  
Cặp nội ngoại quý thân họ  
Thưa các liệt vị tiên nhân tông đường  
Các vị chức sắc hương lân có mặt  
Ngày lành tôi xin chúc  
Ngày tốt tôi xin thưa  
Mười ngày mới có một ngày lành  
Trăm ngày có một vòng ngày tốt

*Kèn đây giờ nguyệt tiên thiên đức  
Kèn đây giờ ngũ phúc lâm môn  
Khươi dựng nả quyền môn bán cả  
Hương hoa đường kính tổ gia tiên.*

Chọn được giờ thiên đức nguyệt tiên  
Chọn được ngày lâm môn ngũ phúc  
Cháu rể đã đứng trước quyền môn.) [2, tr. 52]

Bài hát là lời kính trình của quan lang tới tổ tiên, cha mẹ, anh em họ hàng hai bên nội ngoại, bà con làng xóm nhà gái về việc hệ trọng hôm nay. Nay gia đình chọn được ngày lành *ngũ phúc lâm môn*, giờ tốt *nguyệt tiên thiên đức* nên xin phép cho cháu rể được bái lạy tổ tiên.

Kết cấu một chiều còn là lời ca ngợi công lao sinh thành, nuôi nấng, dạy bảo của cha mẹ, sự chăm sóc của chú bác họ hàng. Qua đó, khuyên dạy chú rể, cô dâu về đạo lí, bổn phận làm người. Ví dụ:

*... Công pỏ mẹ là slung sloàng pạ  
Giờ nầy là lúc đạ mì khươi  
Ngậy công khổ hoài thai thập nguyệt  
Công ơn mìn khôn xiết đền bồi  
Mì lệ vật rườn khươi mà nốp  
Tháy nữ nhi báo đáp ơn cần...*

(... Công bố mẹ là cao như núi  
Giờ này con đã có chồng rồi  
Công mẹ nhọc mang thai mười tháng  
Công ơn ấy con khó đền bồi  
Có lễ vật của người con rể  
Thay nữ nhi báo nghĩa đáp ơn...) [1, tr. 162- 164]

*... Chén nậm nầy kính dâng đạ tạ  
Nhất là vì no ọng lũng pạ áo a  
Pừa nhằng sl ấy óm đạ ùm tạ  
Chén nậm nầy pjá nghĩa hoãn công...*

(... Chén nước này được dâng đạ tạ  
Thứ nhất là chú bác các chi  
Hồi cháu nhỏ đụ hoa giúp công  
Chén nước này trân trọng trả ơn...) [2, tr. 59]

Sau khi một loạt nghi thức mang tính luật tục đã xong (trình tổ tiên từ đường, mời tổ tiên chứng giám, trình lễ - báo lễ, chú rể dâng tâm vãi khô ướt, chú rể thắp hương lạy tạ, đưa tổ tiên, chú rể mời nước họ hàng, giao của hồi môn), quan lang đã ngân vang lời ca trong niềm hân hoan, hứng khởi chúc mừng hạnh phúc đôi trẻ. Đây là lời chúc vô giá cho hạnh phúc lứa đôi trong tương lai: vinh hoa phú quý, con cháu đầy đàn, phúc lộc lớn như quả núi cao sinh ra rồng, như rồng vàng sinh én nhan, vách đá sinh ra kì lân, như núi bạc sinh ra nguồn nước:

*Chúc hắt sloong lan  
Cầm nậm vắn bjoóc  
Cóp nậm vắn hoa  
Phja cái sling lúc luông  
Phja luông sling én nhận  
Phja đản thảo kì lân  
Phja ngân sinh nậm bó. À nỏ!*

(Chúc cho hai cháu  
Tay vắt đất ra hoa  
Tay vàng làm ra của  
Núi cao sinh con rồng  
Rừng vàng sinh én nhận  
Vách đứng sinh kì lân  
Núi bạc sinh nguồn nước.) [2, tr. 58]

Mọi thủ tục đã hoàn thành, đã đến giờ *nguyệt tiên* mà đôi bên gia đình đã định, quan lang xin phép cho cô dâu được xuất giá với lời cảm ơn sâu sắc:

*... Vắn nầy vắn hỉ hả vjòi đây  
Giờ nguyệt tiên cát thời thàng giá  
Thuồn mọi gản vui về dôm khua  
Giờ nầy khôi xo au lùa lũng lảng  
Au mùa sle họ háng khôi dôm...  
Cảm ơn thuồn vì noọng họ hàng  
Dưa khôi leo mọi tàng công khổ...  
... Chúc mọi gản hỉ hả đây vjòi  
Hát mọi mòn đây lai hơn vậu...*

(... Hôm nay ngày hỉ hả kết duyên  
Trời điểm giờ nguyệt tiên đã tới  
Cả nhà đang mong đợi dâu hiền  
Giờ lành xin gia đình xuất giá  
Đề họ hàng đông đủ đón dâu...) [2, tr. 72 - 73]  
(Xin dâng chén tạm biệt họ hàng  
Giúp tôi trọn mọi đường thành đạt...  
... Chúc mọi người Khang thái tốt lành  
Cả nhà được bình an phú quý...) [2, tr. 70]

Như vậy, trong hát quan lang, kết cấu một chiều được sử dụng nhiều nhất ở chặng hát đón dâu. Một loạt những lời ca, câu hát này đều do quan lang cảm trích, dẫn dắt từ đầu đến cuối mà không hề xuất hiện lời đối đáp nào. Đó là lời đề nghị mở cửa cho vào, lời trình thưa của quan lang xin cho chú rể lễ tổ, ra mắt ông bà, cha mẹ, họ hàng, lời chúc mừng hạnh phúc đôi lứa... Ẩn chứa đằng sau những khúc ca ấy là sự ngợi ca của nhà trai đối với công ơn sinh thành, dưỡng dục

của mẹ cha, họ hàng nhà cô gái, là những bài học sâu sắc răn dạy con cháu phải biết ơn, kính trọng hết mực cha mẹ, tổ tiên, nguồn cội...

### 3.3.2. Kết cấu đối đáp

Kết cấu đối đáp là dạng kết cấu gồm hai hay nhiều lượt lời trao đáp (tạo thành các cặp), tương tác với nhau, do hai chủ thể cùng thực hiện hành động. Đây là dạng kết cấu đặc trưng của quan lang, có 40/59 lời hát (67,8%), gồm những lời hát ở giai đoạn hát thử thách: chẳng đây, lên cầu thang, giữ cửa, trải chiếu; và một phần ở giai đoạn hát đón dâu, gồm các lời hát mang tính chất giao tiếp: chào mời, nộp gánh lễ. Khi diễn xướng, hai bên gia đình chia ra làm hai phía hát đối với nhau. Đại diện nhà gái hát xong thì đại diện nhà trai sẽ hát tiếp lời. Quá trình hát cứ nối nhau như vậy cho đến khi các nghi lễ đám cưới kết thúc. Ví dụ:

Khi sang nhà gái đón dâu, quan lang phải hát một số bài ứng xử tình huống, tháo gỡ những thử thách do nhà gái đặt ra. Các lời hát có kết cấu đối đáp ở đây chỉ bảo cho chúng ta lối ứng xử tình tế, tao nhã của người Tày trong đời sống nói chung, trong đám cưới nói riêng. Lời hát đối đáp nào cũng rất đầy đủ, có đầu có cuối, lịch sự và lễ độ. Sự quý trọng con người được thể hiện rõ qua những nghi lễ đón tiếp và thái độ cư xử giữa hai họ. Vẫn biết rằng việc đi đón dâu là công việc chính của lễ cưới, là trách nhiệm của hai họ, nhưng họ vẫn trao cho nhau những lời cảm tạ chân thành, mở đầu câu nói bao giờ cũng là sự thưa gửi đầy trân trọng. Xin được dẫn ra một thử thách để thấy rõ điều này.

Thử thách bắt đầu từ khi họ nhà trai đến cổng nhà gái. Lễ thường, theo phép lịch sự của người Tày, khi khách đến nhà thì có tục “vấn danh” (hỏi tên khách). Vì vậy, ngay từ khi thấy phái đoàn đón dâu từ xa tới đầu ngõ, các cô gái bên gái đã chẳng dây chận lối, lấy cố kéo lại hỏi han. Điều đáng chú ý, thay cho việc “vấn danh” bằng lời nói thông thường, thì đại diện nhà gái (*pả mẹ*) lại dùng tiếng hát để chào hỏi khách:

*Xo chiềng thâng khéc lạ táng mường  
Pây tàng tầu mà thâng đin nấy  
Sao báo hăn thay thảy rúng roàng  
Vần nhịnh cần khao bang miác nả  
Chắc tàng khời lèo xử phép quan  
Gần đây xinh quá tàng khâu bản  
Cần giày là bỏ chẳng pây mà  
Pang khéc chữ cần râu cần lạ  
Khời xo xam thật thá thuôn cần*

(Xin trình đến khách lạ khác mường  
Đi đâu mà lạc đường qua đây  
Gái trai đều thay thảy thanh tân  
Người người mặt trắng ngần xinh đẹp  
Chặn đường tôi giữ phép nhà quan  
Người ngay được vào làng vào bản  
Người gian là phải tránh qua đây  
Bọn khách này người ngay người lạ  
Tôi xin hỏi cho rõ ngọn ngành) [1, tr. 140]

Muốn nhà gái mở cổng cho vào, quan lang phải hát đối lại nêu rõ lí do và xin phép nhà gái cất dây chằng cho nhà trai vào nhà:

*Xo chiềng thâng noọng á rườn lưong  
Cầm kha ón mà thâng đin nấy  
Hăn mi toàn phải quý tồn tàng  
Hăn mi toàn lựa loàn khoang soóc  
Bầu hẩu cần vằng noóc khâu pây  
Khời dú táng mường quây bầu rụ  
Bố chắc tầu duyên có cón lãng  
Xo noọng nàng giò lãn khay ảng  
Rắp khươi máu khâu bản khâu rườn*

(Xin trình đến nàng á nhà sang  
Đi đến đây đường trường mệt mỏi  
Thấy có tầm lựa mới đón đường  
Thấy có tầm lựa loan màu sắc  
Cầm vào làng, những khách không quen  
Tôi là người khác mường không rõ  
Không biết được duyên có trước sau  
Xin cô nàng cất dây mở cổng  
Đón rể mới vào bản vào nhà) [1, tr. 140]

Lời hát dường như quá ngắn, bên họ nhà gái vẫn muốn nghe hát và muốn thấy được tài đối ứng thơ của họ nhà trai nên không chịu mở cổng, nên nhà gái lại cất lên tiếng hát:

*Xo chiềng thâng pan cần puôn pán  
Chắc lượn xinh khâu bản duối cần  
Khời rèo lệnh của quan dú nấy  
Đức cần lạ bố dây quá pây*

(Xin trình đến bọn người buôn bán  
Biết hát mời vào bản với nhau  
Tôi theo lệnh các quan các chức  
Cầm người lạ không được qua đây)

*Rộp cần tại cần đây xam xầu  
Xừ quan lang khươi máu rắp lùa  
Cạ chần gỏi khẩu mùa thàng táng  
Cạ ngày khỏi khay ảng khay tu*

Trước những câu hát như vậy, quan lang phải nhanh trí đáp lại bằng những lời thẫu tình đạt lí để nhà gái mở cổng cho vào:

*Kính thừa các ả tồn chang tàng  
Rườn cần mì sao nàng bjóoc quý  
Noọng khỏi nhằng dú lẽ đản thân  
Bjóoc cần đàng thì xuân phú phí  
Bjóoc cần đàng rốp thí phong hom  
Choi chỏi bạng đao bán, slíp hả  
Soong họ sén rốp nả thuận lòng  
Pỏ mẹ cấp họ hàng thuận ý  
Vần nầy vần đại lệ rắp lùa  
Boong khỏi tái khươi mà lay bán  
Lệ vật mì lai đoạc tháp tham  
Luc khươi xo pjá ơn pỏ mẹ  
Đầy pjom bái noọng á khay tàng*

Gặp người lạ người ngay phải hỏi  
Là quan lang rề mới đón đầu  
Nói thật sẽ mời vào đến chồn  
Nói thật tôi mở cổng đón chào) [1, tr. 142]

(Kính thừa các ả đón giữa đường  
Nhà người có cô nàng hoa quý  
Em tôi còn ở lẻ đơn thân  
Hoa người đang mùa xuân chúm chím  
Hoa người đang gặp lúc nở thơm  
Choi chỏi tựa trăng rằm giữa tháng  
Hai họ đã gặp mặt thuận lòng  
Cha mẹ cùng họ hàng thuận ý  
Ngày nay ngày đại lễ đón đầu  
Chúng tôi đưa rề về lễ tổ  
Lễ vật có nhiều gánh nhiều gồng  
Con rề gọi đáp ơn cha mẹ  
Được ơn các cô ả mở đường) [1, tr. 142]

Như vậy, qua tiếng hát những lời giới thiệu sơ lược nhất đã được nhà trai trả lời. Sau lời chào hỏi, tình cảm giữa hai bên gia đình lần lượt được thể hiện, tăng tiến qua các lời hát.

Theo lệ thường chân cầu thang có máng nước rửa chân. Muốn lên nhà sàn phải rửa chân cho sạch, nhưng hôm nay máng nước cạn khô. Nhà trai được các cô gái mời chén rượu rửa chân. Hơn hết gia chủ cũng muốn thử thách xem nhà trai sẽ ứng xử ra sao. Ví dụ:

*...Tục tời xưa mì lệ dào kha  
Thanh khiết chậu lấu dà chính ngám  
Lệ hôn nhân Tàn Tấn giao hòa  
Thức mì lấu dào kha chảng đày Chén  
lấu slầu lấu nầy Lưu Lưu  
Lấu nầy lấu Dao Tri thượng đàng  
Suối kha sle rọ rảng thêm duyên  
Mọi sự đày chu tuyên thông thả  
Y như cầm pí cạ bấu sai  
Giại mùa khéc táng nơi còi liệu*

(...Tục ngày xưa có lệ rửa chân  
Thanh khiết lòng thực tâm một chén  
Lễ hôn nhân Tàn Tấn giao hoan  
Phải có rượu rửa chân mới đúng  
Chén rượu này chén rượu lưu ly  
Rượu này rượu Dao Tri thượng đế  
Rửa chân rồi ta để thêm duyên  
Mọi sự đều chu toàn thông thả  
Y như lời ví bảo không sai  
Mời tới khách khác nơi hãy liệu)

[1, tr. 147 – 148]

Rượu là thức uống, là thứ cao lương dùng trong các dịp quan trọng của người Tày, đặc biệt trong lễ cưới nó là đồ lễ không thể thiếu. Có được rượu phải đổi bằng mồ hôi, sức lao động, không thể lấy rượu thay nước rửa chân, làm như vậy là trái với lễ thường. Vì lẽ đó, quan lang đáp lời xin chổi rượu rửa chân. Ví dụ:

*...Bân đin dảo nậm tâ dào kha  
Bân bấu tắt lấu mà sle suối  
Lấu hom sle tiếp đại lòng bâm  
Bách vật của kim ngân tắt tầu  
Lệ vật thêm khẩu lấu tắt nưa  
Khẩu lấu sle tiến vùa ngai vàng  
Bấu au mà lòng lảng dào kha  
Tả t lệ hại hửu rà khổ phuối  
Lấu dào kha là lợi bân đin  
Sự nầy khỏi giưỡng cần xo chổi*

(...Tạo hóa đặt lấy nước rửa chân  
Trời không đặt rượu ngon để rửa  
Rượu ngon tiếp khách khứa mâm sang  
Của bách vật bạc vàng đặt dưới  
Lễ vật và cơm rượu đặt trên  
Rượu ngon để tiến lên vua chúa  
Ai đem chân về rửa phí hoài  
Bằng làm phí trong ngoài người nói  
Lại rửa là có tội đạo trời  
Sự này tôi trình người xin chổi) [1, tr. 148]

Lời đối đáp của quan lang không chỉ nói về nghi thức ngoại giao đơn thuần, mà chủ yếu nêu lên một quan điểm về giá trị của sức lao động. Gạo, rượu là sản phẩm của một quá trình lao động cần cù, sáng tạo, là thứ nuôi sống con người, nên không được lãng phí. Bài ca là lời giáo dục con người phải yêu quý lao động, có ý thức quý trọng của cải do mình làm ra.

Ở những thử thách khác nhà gái đặt ra cho đoàn nhà trai: chổi ngăn đường, đóm đơm cá ngăn cản cửa vào nhà, túi đựng mèo treo ở cửa ra vào... như những bức tường thành sừng sững mà nhà trai cần vượt qua. Với những chướng ngại vật ấy người ta dễ dàng bước qua hoặc len lách mà đi, nhưng không ai làm như vậy, vì bên nhà gái sẽ đánh giá thiếu lịch sự, kém ứng xử đối đáp. Gặp cảnh tượng nào quan lang phải lần lượt cất tiếng hát đầy lí lẽ để nhà gái cất bỏ hoặc tạo thuận lợi cho nhà trai đi. Khi quan lang xin cất từng thứ ở cửa thì bên nhà gái phải đáp lại bằng lời thanh minh đầy sức thuyết phục và sai các chị em thu dọn để có lối đi. Ví dụ:

Quan lang xin cất chổi:

*...Nhục quét hất chừa rườn tằng tời  
Quét thuôn tằng cung nội rườn chương  
Quét thuôn nhác tu rườn slầu sloong  
Dú dậm dẹ sinh sloang slíp phẩn  
Quét rườn vùa rườn dân cung sóa  
Hẩu chừa rườn mì của đàng hoàng  
Răng tả sle hơn tàng vắn nầy  
Hẩu boong khôỉ nẳm nghị bấu thông  
Khôỉ xo thàng gia tung các á  
Củ pây boong khôỉ quá khầu rườn  
Pả mẽ đáp lời thanh minh:*

(...Làm chừa nhà suốt đời là chổi  
Quét trong nhà cung nội trung gia  
Quét hết rác của nhà sạch sẽ  
Để mọi người mắt mẽ mùi phân  
Quét cung vua nhà dân tất cả  
Người chủ nhà giữ của không hay  
Cớ sao lại bỏ đây của ấy  
Làm chúng tôi suy nghĩ không thông  
Tôi trình lên gia trung các á  
Cất chổi đi mở cửa vào nhà) [1, tr. 150]

*...Nhục quét nầy ẵn vắn quét lảng  
Bấu vừa rầu luồn quẻng xằng tàng  
Nạo ngám quét vãng chang náo giá  
Đech tầu quẩ mà tả hơn tàng  
Noọng ơi củ rườn chang tỉ quẻng  
Nhục quét giá luồn phẻng xằng tàng  
Củ pây khoái lúc lan coi chứ  
Môi khéc khừn hất lệ rườn chương*

(...Cái chổi này sớm hôm dùng nó  
Có bao giờ lại bỏ nơi đây  
Nầy vùa quét buồng trong sách sẽ  
Đứa trẻ nào đem bỏ lung tung  
Em ơi! Hãy cất ngay giầu kĩ  
Chổi quét nhà sao để khắp nơi  
Cất ngay đi mọi người hãy nhớ  
Mời khách vào hành lễ nhà trong) [1, tr. 150]

Nhận xét: Các vật cần đem ra thử thách: *chổi, đóm đơm cá, túi nhốt mèo*... là những đồ vật rất bình dị. Người Tày đem những vật dụng thân thuộc trong cuộc sống hằng ngày ấy để cản lối nhà trai, một mặt muốn thử tài ứng đối, thăm dò sự khôn khéo của quan lang, đồng thời nó cũng là bài ca ca ngợi những gì xung quanh con người lao động. Vật dụng nhỏ bé nhưng không tầm thường mà luôn thân thiết, có ích trong cuộc sống. Tưởng như cản lối mà hóa ra dẫn lối.

Có lúc kết câu đối đáp là lời mời đáp chân thành, khiêm tốn, giản dị, nhưng chất chứa lòng mến khách. Ví dụ:

Sau khi vượt qua các thử thách, đoàn nhà trai đã vào được gian chính của ngôi nhà, các cô gái bung chén nước chè đến mời với lời lẽ thật khiêm tốn. Ví dụ:

*...Chén nầy dú đong luông khuổi lắ  
Ấm chén lải phoi phóc đản đẳm  
Ngòi mà bấu thúc slim quý khách  
Shương căn là bấu trách đẫy piom  
Xo đường thàng chẻn nung noọng phác*

(...Chén trà này đầy lòng có lẽ  
Trà này trà hái ở rừng sâu  
Ấm chén lại bạc màu như bản  
Xem ra không được thuận khách sang  
Thương nhau hãy trăm phần nhận cả) [2, tr. 44]

Trước tâm chân tình, khiêm tốn, chu đáo của nhà gái, nhà trai vui mừng đón nhận, quan lang đáp lời cảm ơn, khen ngợi hết lời. Những thứ nhà gái mang ra mời toàn là loại hảo hạng, sang trọng, mặc dù chưa uống nhưng đã *đượm ngon trong miệng*:



<p>...Rườn cần pây nặm háng lai pan          Khéo rự đậy chế van hom bjoóc          Ôm chén viên ngũ sắc lòi đơ          Páy kin đạ đâu gò sinh soáng          Kin lòng gò gản táng khôn ngoan          Pjom báí noọng táng mường thiét đạí          Chứ đâu châu vạn tới bấu lùm</p>	<p>(...Nhà người đi ra chợ nhiều phiên          Khéo mua đượ chè hương thơm ngát          Âm chén viên ngũ sắc hoa văn          Chưa uống đã đượ ngon trong miệng          Uống chè này nên hạng khôn ngoan          Cảm ơn nàng khác mường thiét đạí          Nhớ trong lòng mãi mãi không quên) [1, tr. 160]</p>
---	--

Như vậy, những bài hát có kết cấu đối đáp trong quan lang thường là những lời chào, mời, trình thưa, thanh minh đầy tình tế của hai bên gia đình nhà trai, nhà gái trước những thử thách được đặt ra; là lời ca về tình yêu lao động, phải biết trân quý thành quả lao động do mình làm ra, trân trọng những vật dụng gắn liền với cuộc sống lao động hằng ngày; còn là lời ngợi ca đức tính khiêm nhường, lòng mến khách - một nét đẹp đặc trưng trong tính cách đồng bào Tày... Có thể thấy, những khúc hát này đã làm tăng thêm không khí “đối kháng” vui nhộn và ý tứ, thu hút mọi người vào cuộc, đồng thời kích thích khả năng ứng tác của các nghệ nhân, góp phần làm phong phú thêm vốn dân ca đám cưới Tày.

#### 4. Kết luận

Hát quan lang là những bài hát dành riêng cho đám cưới, là hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo của người Tày, gắn với hôn lễ và phục vụ cho hôn lễ. Chủ đề của những bài ca này là đón dâu, mừng đám cưới gắn với các thử thách và trình tự của từng nghi lễ. Nội dung chính của các lời hát là chỉ bảo, kê về lối ứng xử tinh tế và tao nhã của con người, đồng thời thay cho lời chào xã giao, lịch sự thể hiện tình cảm trân trọng của hai bên gia đình nhà trai, nhà gái. Hát quan lang vừa mang chức năng trao đổi tình cảm, vừa thể hiện chức năng nghi lễ trong hình thức truyền thống nên cũng không nằm ngoài nhu cầu về tinh thần trí tuệ, thẩm mỹ của người Tày. Thông qua tục hát quan lang, mối quan hệ cộng đồng, làng bản, dòng họ đôi lứa ngày càng gắn kết. Vì vậy, ngôn ngữ trong hát quan lang mang một phong vị đặc biệt, mang tính thể loại, cả hình thức, ngữ nghĩa và ngữ dụng, đồng thời hàm chứa chất văn hóa Tày.

Xét theo hệ dọc (cấp bậc) các cuộc hát, chặng hát, lời hát được tiến hành theo một trình tự nhất định, trong một chu trình khép kín các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng. Vì vậy, văn bản quan lang thường theo những quy định chặt chẽ, theo khuôn thức. Tuy nhiên, các khuôn thức này vẫn có chỗ cho sự ứng tác sáng tạo. Các bài hát thường sử dụng hai dạng cấu trúc: hai đoạn và ba đoạn. Trong đó, nhiều nhất là cấu trúc ba đoạn. Qua đó, thấy rõ được sự tương thích, phù hợp giữa tính chất, đặc trưng của dân ca đám cưới với cấu trúc của từng bài hát.

Xét theo hệ ngang (lượt lời), các bài hát sử dụng hai dạng kết cấu: một chiều, đối đáp. Trong đó, được ưa dùng nhất là kết cấu đối đáp. Cuộc hát quan lang khá dài vì đi qua nhiều chặng, do hai bên hát trao đi đổi lại, khi khẽ khàng khi sôi nổi, khi co kéo thử thách lúc ân cần mời chào, lúc ý tứ khế nép khi giải bày cởi mở tha thiết.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. B. Nguyen, *Folk poetry in Lang Son*. National Cultural Publishing House, (in Vietnamese), Hanoi, 2001.
- [2] T. T. Nguyen, *Poetry of quan lang*. National Cultural Publishing House, (in Vietnamese), Hanoi, 2008.
- [3] V. P. Luc, *Tay wedding poetry*. Social Science Publishing House, (in Vietnamese), Hanoi, 1985.
- [4] A. Trieu and Q. Hoang, *The Tay people's marriage customs*. National Culture Publishing House, (in Vietnamese), Hanoi, 1995.
- [5] T. T. Nguyen, “Traditional weddings of Tay people,” (in Vietnamese), *Journal of Culture and Art*, vol. 290, pp. 106-109, 2008.
- [6] T. T. Nguyen, “Quan lang singing in Tay people’s weddings in Cao Bang,” (in Vietnamese), *Journal of Culture and Art*, vol. 358, pp. 15-18, 2014.
- [7] T. H. Luong, *Wedding customs of the Tay people in Bac Kan*. Thai Nguyen University Publishing House, (in Vietnamese), 2020.

- 
- [8] V. P. Hoang and T. H. Cao, *Tay folk festival*. National Cultural Publishing House, (in Vietnamese), Hanoi, 2012.
- [9] H. P. Nguyen and V. V. Pham, *Some types of folk arts in the northern mountainous areas*. Thai Nguyen University Publishing House, (in Vietnamese), 2016.
- [10] V. Hoan, "Beauty in Tay people's weddings in Cao Bang," Photo magazines of Ethnic and Mountainous areas, 05/12/2015. [Online]. Available: <https://dantocmiennui.vn/net-dep-trong-dam-cuoi-cua-nguoi-tay-cao-bang/25957.html> .[Accessed Jan 02, 2021].
- [11] V. Long, "Quan lang singing, cultural beauty in Tay people's weddings in Tung Ba commune," *Ha Giang Magazine Online*, 05/5/2018. [Online]. Available: <http://baohagiang.vn/van-hoa/201805/hat-quan-lang-net-dep-van-hoa-trong-le-cuoi-cua-nguoi-tay-xa-tung-ba-724682>. [Accessed Mar. 09, 2021].
- [12] D. T. Luu, "Repartee poems in the ceremony welcoming the bride of the Tay people," *Announcement of Sino-Nom studies*, Institute of Sino-Nom studies, 2010, pp. 318-325.